

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày 31-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Cao Minh Sơn;
- Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Duy, Thư ký Tòa án nhân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L;

Địa chỉ: Số D L, Khóm A, Phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Võ Quốc T ủy quyền cho ông Trần Quốc T1, chức vụ: Cán bộ tín dụng tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số: 346/UQ-QTD ngày 25 tháng 10 năm 2023 (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Gia B, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ cư trú hiện tại: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lâm Thị N, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Quốc T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 15 tháng 7 năm 2014, bà Trương Thị Gia B có vay tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 320.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố số 29A,B/7/2014 ngày 15 tháng 7 năm 2014 (số hợp đồng kế toán theo dõi 19/8/14 ngày 11 tháng 8 năm 2014), thời hạn vay 12 tháng, đến hạn ngày 11 tháng 8 năm 2015. Lãi suất 1,66%/tháng, lãi suất quá hạn 2,49%/tháng. Mục đích vay: Mua bán lúa, mua máy kéo lúa. Nợ vay đã quá hạn. Tài sản thế chấp là:

Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 13, loại đất ở, diện tích 96 m², đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3,8 m², nhà ở diện tích sàn 97,7 m² tại Khóm D, Phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 982441 được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 17 tháng 4 năm 2013 cho bà Lâm Thị N.

Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L yêu cầu bà Trương Thị Gia B trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 1.134.329.600 đồng. Trong đó nợ gốc là 320.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 08 tháng 11 năm 2016 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2025 là 814.329.600 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quá hạn ghi trong hợp đồng tín dụng thế chấp và cầm cố.

Trường hợp bà Trương Thị Gia B không trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Thửa đất số 92, tờ bản đồ số 13, loại đất ở, diện tích 96 m², đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3,8 m², nhà ở diện tích sàn 97,7 m² tại Khóm D, Phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 982441 được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp ngày 17 tháng 4 năm 2013 cho bà Lâm Thị N.

Bà Trương Thị Gia B là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà Trương Thị Gia B có vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L nhưng vay giùm cho bà Lâm Thị N. Người thực tế vay tiền là bà Lâm Thị N. Bà Lâm Thị N là người nhận tiền vay. Nay đối với yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L thì bà Trương Thị Gia B không đồng ý. Bà Trương Thị Gia B yêu cầu bà Lâm Thị N phải có trách nhiệm trả số tiền đã vay tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L.

Bà Lâm Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lâm Thị N cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không tiến hành được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại các phiên họp, đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập thêm đương sự, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tham gia phiên tòa.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L. Buộc bà Trương Thị Gia B trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L Bình số tiền 1.134.329.600 đồng. Trong đó nợ gốc là 320.000.000 đồng, nợ lãi là 814.329.600 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà Trương Thị Gia B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 13, loại đất ở, diện tích 96 m², đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3,8 m² và nhà ở trên đất diện tích xây dựng 76,2 m², diện tích sàn 97,7 m², kết cấu tường gạch, khung BTCT, sàn BTCT, mái tôn, nền gạch men tại Khóm D, Phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Trương Thị Gia B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn hiện cư trú tại Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên theo hợp đồng tín dụng đã ký kết các bên thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh. Tại phiên tòa, bà Trương Thị Gia B là bị đơn và bà Lâm Thị N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về mặt nội dung: Căn cứ hợp đồng tín dụng, thế chấp và cầm cố số

29A/B/7/2014 ngày 15 tháng 7 năm 2014 thì bà Trương Thị Gia B có vay của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 550.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 11 tháng 8 năm 2014 đến ngày 11 tháng 8 năm 2015. Hợp đồng tín dụng có chữ ký của bà Trương Thị Gia B. Bà Trương Thị Gia B thừa nhận có vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L nhưng là vay giùm cho bà Lâm Thị N. Bà Trương Thị Gia B không có nhận tiền. Do quan hệ quen biết nên bà Lâm Thị N nhờ bà Trương Thị Gia B đứng tên hợp đồng vay giùm.

[3] Căn cứ hồ sơ tín dụng được Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L cung cấp thì khoản vay của bà Trương Thị Gia B được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29A/7/2014 ngày 15 tháng 7 năm 2014 của bà Lâm Thị N. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 13, loại đất ở, diện tích 96 m², đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3,8 m² và nhà ở trên đất tại Khóm D, Phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh của bà Lâm Thị N nhưng hợp đồng thế chấp này chỉ đảm bảo cho số tiền 320.000.000 đồng. Số tiền 230.000.000 đồng còn lại được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 29B/7/2014 ngày 15 tháng 7 năm 2014 của ông Thái Văn A, bà Lê Hiếu Á. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 254A, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.670 m²; thửa số 391, tờ bản đồ số 13, diện tích 5.168 m²; thửa số 254C, tờ bản đồ số 13, diện tích 460 m² tại ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh của hộ ông Thái Văn A. Qua xác minh ông Thái Văn A, bà Lê Hiếu Á thì do ông A, bà Á là chỗ xóm giềng, gần nhà bà Lâm Thị N nên cách nay khoảng 10 năm, bà N có mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, bà Á để vay tiền. Sau đó có người của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L đến yêu cầu ông A, bà Á trả tiền thì ông A, bà Á mới biết bà N lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, bà Á đi vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L. Ông A, bà Á có yêu cầu bà N trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà N không trả. Ông A, bà Á phải bán đất để trả tiền cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L sau đó tiếp tục vay tiền lại tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, bà Á kèm chung với khoản vay của bà N. Hồ sơ vay do người của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L nhờ người vay giùm. Còn bà Trương Thị Gia B là ai thì ông A, bà Á không biết. Lời khai của ông A, bà Á phù hợp với hồ sơ tín dụng được Quỹ tín dụng nhân dân L cung cấp. Trong đó thể hiện ngày 18 tháng 11 năm 2016 bà Lê Hiếu Á có đơn xin rút một phần tài sản thế chấp và Quỹ tín dụng nhân dân L có phụ lục hợp đồng điều chỉnh nợ vay gốc của bà Gia Bảo xuống còn 320.000.000 đồng. Hiện tại ông A, bà Á không còn thế chấp tài sản nào tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L.

[4] Căn cứ lời khai của ông Thái Văn A, bà Lê Hiếu Á kết hợp với 03 phiếu thu cùng ngày 05 tháng 02 năm 2016, ghi người nộp tiền là bà Trương Thị Gia B nhưng bà Lâm Thị N ký tại phần người nộp; 02 phiếu thu cùng ngày 08 tháng 11 năm 2016 ghi người nộp tiền là bà Trương Thị Gia B nhưng bà Lê Hiếu Á ký tại phần người nộp có cơ sở xác định bà Trương Thị Gia B có vay giùm cho bà Lâm Thị N số tiền 550.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L. Trong đó bà Lâm Thị N sử dụng quyền sử dụng đất của mình đảm bảo cho số tiền 320.000.000 đồng và quyền sử dụng đất của ông Thái Văn A, bà Lê Hiếu Á đảm bảo cho số tiền

230.000.000 đồng.

[5] Qua xem xét ý kiến của bà Trương Thị Gia B trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy bà Trương Thị Gia B xác định bà Trương Thị Gia B có vay tiền tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L nhưng vay giùm cho bà Lâm Thị N. Việc bà Trương Thị Gia B vay tiền giùm cho bà Lâm Thị N là do hai bên thống nhất với nhau. Bà Trương Thị Gia B biết việc vay tiền là vay giùm cho bà Lâm Thị N chứ không phải vay cho bản thân mình nhưng vẫn chấp nhận. Bà Trương Thị Gia B là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi nên phải biết rõ hậu quả của việc đứng ra vay tiền giùm cho bà Lâm Thị N là sẽ phải chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản vay này trong trường hợp bà Lâm Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp này bà Trương Thị Gia B phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 320.000.000 đồng như Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L yêu cầu. Còn việc thỏa thuận vay tiền giùm là thỏa thuận giữa bà Trương Thị Gia B với bà Lâm Thị N. Bà Trương Thị Gia B có quyền khởi kiện bà Lâm Thị N trong một vụ án khác.

[6] Về tiền lãi: Căn cứ Căn cứ hợp đồng tín dụng, thế chấp và cầm cố số 29A,B/7/2014 ngày 15 tháng 7 năm 2014 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L và bà Trương Thị Gia B có thỏa thuận về tiền lãi, bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn nên trường hợp bà Trương Thị Gia B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L có quyền yêu cầu tính lãi theo như đã thỏa thuận. Theo hồ sơ tín dụng của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L cung cấp thì vào ngày 29 tháng 12 năm 2015 giữa Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L với bà Trương Thị Gia B, bà Lâm Thị N có thỏa thuận giao tài sản thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L bán để thu hồi nợ. Kể từ khi giao tài sản cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L thì số nợ chỉ tính lãi trong hạn cho đến khi bán tài sản để thu hồi nợ hoặc đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng đã ký. Như vậy xem như giữa Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L và bà Trương Thị Gia B, bà Lâm Thị N có thỏa thuận lại về hợp đồng tín dụng liên quan đến việc tính lãi. Tuy nhiên tài sản thế chấp hiện tại bà Lâm Thị N vẫn đang quản lý, không có giao cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L nên thỏa thuận này không phát sinh hiệu lực. Do đó Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L yêu cầu tính lãi quá hạn đối với khoản vay của bà Trương Thị Gia B là có cơ sở để chấp nhận.

[7] Tính đến ngày xét xử (ngày 31 tháng 3 năm 2025) tổng số nợ bà Trương Thị Gia B còn nợ tại Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L là 1.134.329.600 đồng. Trong đó nợ gốc là 320.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 814.329.600 đồng. Như vậy bà Trương Thị Gia B phải có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 1.134.329.600 đồng. Yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L là có cơ sở để chấp nhận.

[8] Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Trương Thị Gia B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[9] Trường hợp bà Trương Thị Gia B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L có quyền yêu cầu cơ

quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 13, loại đất ở, diện tích 96 m², đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3,8 m² và nhà ở trên đất diện tích xây dựng 76,2 m², diện tích sàn 97,7 m², kết cấu tường gạch, khung BTCT, sàn BTCT, mái tôn, nền gạch men tại Khóm D, Phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Bà Trương Thị Gia B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định.

[11] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án cũng như phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 7, Điều 8, Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L. Buộc bà Trương Thị Gia B trả cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 1.134.329.600 đồng. Trong đó nợ gốc là 320.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 814.329.600 đồng.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Trương Thị Gia B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp bà Trương Thị Gia B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 92, tờ bản đồ số 13, loại đất ở, diện tích 96 m², đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 3,8 m² và nhà ở trên đất diện tích

xây dựng 76,2 m², diện tích sàn 97,7 m², kết cấu tường gạch, khung BTCT, sàn BTCT, mái tôn, nền gạch men tại Khóm D, Phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Về án phí: Buộc bà Trương Thị Gia B phải chịu 78.686.592 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L số tiền 20.942.900 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0018162 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trương Thị Gia B phải chịu 500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L đã nộp tạm ứng 1.000.000 đồng. Tòa án đã chi 500.000 đồng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ. Còn lại 500.000 đồng được hoàn trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L. Bà Trương Thị Gia B có nghĩa vụ nộp số tiền 500.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố T để trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở L.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND Tp Trà Vinh;
- Chi cục THADS Tp Trà Vinh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa